

## XÂY DỰNG MA TRẬN ĐỀ

### MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II MÔN TIN HỌC, LỚP 11 – THỜI GIAN LÀM BÀI (45 PHÚT)

| TT          | Nội dung kiến thức/kĩ năng                | Đơn vị kiến thức/kĩ năng                   | Mức độ nhận thức |    |            |    |          |    |              |    | Tổng % điểm       |
|-------------|-------------------------------------------|--------------------------------------------|------------------|----|------------|----|----------|----|--------------|----|-------------------|
|             |                                           |                                            | Nhận biết        |    | Thông hiểu |    | Vận dụng |    | Vận dụng cao |    |                   |
|             |                                           |                                            | TNK Q            | TL | TNK Q      | TL | TNK Q    | TL | TNK Q        | TL |                   |
|             | Chủ đề 6: Thực hành tạo và khai thác CSDL | 1. Quản trị Cơ sở dữ liệu trên máy tính    | 4                |    | 2          |    |          |    |              |    | 15%<br>(1,5 điểm) |
|             |                                           | 2. Thực hành tạo và cập nhật Cơ sở dữ liệu | 6                |    | 6          |    |          | 1  |              |    | 40%<br>(4,0 điểm) |
|             |                                           | 3. Thực hành khai thác Cơ sở dữ liệu       | 6                |    | 4          |    |          | 1  |              | 1  | 45%<br>(4,5 điểm) |
| Tổng        |                                           |                                            | 16               |    | 12         |    |          | 2  |              | 1  |                   |
| Tỉ lệ %     |                                           |                                            | 40%              |    | 30%        |    | 20%      |    | 10%          |    | 100%              |
| Tỉ lệ chung |                                           |                                            | 70%              |    |            |    | 30%      |    |              |    | 100%              |

- Kiến thức, kĩ năng được tính cho các chủ đề và theo Chương trình GDPT 2018.
- Nội dung kiểm tra giữa kì 2 bao gồm nội dung **chủ đề 6: Thực hành và khai thác CSDL**
- TNKQ: dành để đánh giá mức độ **Biết (16 câu), Hiểu (12 câu)**.
- TL: **Vận dụng (2 câu), vận dụng cao (1 câu)**

## 1. XÂY DỰNG BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ

### BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II MÔN TIN HỌC, LỚP 11 (KNTT) – THỜI GIAN LÀM BÀI (45 PHÚT)

| TT | Nội dung kiến thức/kĩ năng                           | Đơn vị kiến thức/kĩ năng                   | Mức độ đánh giá                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Số câu hỏi theo mức độ nhận thức |            |           |              |
|----|------------------------------------------------------|--------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|------------|-----------|--------------|
|    |                                                      |                                            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Nhận biết                        | Thông hiểu | Vận dụng  | Vận dụng cao |
| 1  | <b>Chủ đề 6:<br/>Thực hành tạo và khai thác CSDL</b> | 1. Quản trị Cơ sở dữ liệu trên máy tính    | <b>Nhận biết</b><br>- Nhận biết được nhu cầu lưu trữ dữ liệu và khai thác thông tin cho bài toán quản lí<br><b>Thông hiểu</b><br>- Giải thích được các khái niệm cơ bản của hệ Cơ sở dữ liệu qua ví dụ minh họa<br>- Diễn đạt được khái niệm hệ Cơ sở dữ liệu, các khái niệm cơ bản trong mô hình Cơ sở dữ liệu quan hệ như quan hệ (bảng), khoá, khoá ngoài, truy vấn, cập nhật dữ liệu,...<br>Phân biệt được hai loại kiến trúc hệ Cơ sở dữ liệu                                                                                  | 4<br>(TN)                        | 2<br>(TN)  |           |              |
|    |                                                      | 2. Thực hành tạo và cập nhật Cơ sở dữ liệu | <b>Nhận biết</b><br>- Nhận biết được một số thao tác cơ bản khi tạo và cập nhật Cơ sở dữ liệu.<br><b>Thông hiểu</b><br>- Mô tả được một vài tổ chức cần ứng dụng Cơ sở dữ liệu để quản lý hoạt động của mình.<br>- Nêu được một vài tổ chức cần ứng dụng Cơ sở dữ liệu để quản lý hoạt động của mình.<br><b>Vận dụng</b><br>- Thực hiện được việc tạo lập Cơ sở dữ liệu cho một bài toán quản lí nhỏ bằng cách sử dụng một hệ Quản trị cơ sở dữ liệu quan hệ. Cụ thể là:<br>+ Tạo được các bảng và chỉ định được khoá cho mỗi bảng. | 6<br>(TN)                        | 6<br>(TN)  | 1<br>(TL) |              |

|                    |                                      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                          |                          |                         |                         |
|--------------------|--------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|--------------------------|-------------------------|-------------------------|
|                    |                                      | <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Thiết lập được mối quan hệ giữa các bảng qua việc chỉ định khoá ngoài.</li> <li>+ Thể hiện được tính cẩn thận, chăm chỉ, trách nhiệm trong việc lưu trữ và quản lý dữ liệu.</li> <li>- Thực hiện được việc cập nhật Cơ sở dữ liệu</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                          |                          |                         |                         |
|                    | 3. Thực hành khai thác Cơ sở dữ liệu | <p><b>Nhận biết</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết được một số thao tác cơ bản khi khai thác Cơ sở dữ liệu.</li> </ul> <p><b>Thông hiểu</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phân biệt được các loại kiến trúc Cơ sở dữ liệu là tập trung và phân tán.</li> </ul> <p><b>Vận dụng</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện được việc khai thác thông tin trong Cơ sở dữ liệu cho một bài toán quản lý nhỏ bằng cách sử dụng một hệ Quản trị cơ sở dữ liệu quan hệ. Cụ thể là: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Sử dụng được các truy vấn để tìm kiếm và kết xuất thông tin từ Cơ sở dữ liệu.</li> <li>+ Nêu được một vài nhận xét so sánh kết quả bài thực hành với một phần mềm quản lý do giáo viên giới thiệu hoặc đã từng biết.</li> <li>+ Giải thích được tính ưu việt của việc quản lý dữ liệu một cách khoa học nhờ ứng dụng Cơ sở dữ liệu.</li> <li>+ Tìm hiểu được thêm một vài chức năng của hệ Quản trị cơ sở dữ liệu.</li> </ul> </li> </ul> | 6<br>(TN)                | 4<br>(TN)                | 1<br>(TL)               | 1<br>(TL)               |
| <b>Tổng</b>        |                                      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | <b>16</b><br><b>(TN)</b> | <b>12</b><br><b>(TN)</b> | <b>2</b><br><b>(TL)</b> | <b>1</b><br><b>(TL)</b> |
| <b>Tỉ lệ %</b>     |                                      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | <b>40%</b>               | <b>30%</b>               | <b>20%</b>              | <b>10%</b>              |
| <b>Tỉ lệ chung</b> |                                      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | <b>70%</b>               |                          | <b>30%</b>              |                         |

**Lưu ý:**

- Các câu hỏi ở mức độ vận dụng và vận dụng cao có thể ra vào một trong các đơn vị kiến thức.
- Với các câu hỏi ở mức độ vận dụng và vận dụng cao là các câu hỏi tự luận (lý thuyết/thực hành).

## 2. XÂY DỰNG 01 ĐỀ KIỂM TRA

ĐỀ SỐ 01

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ II

NĂM HỌC 2023 - 2024

Môn: Tin học, Lớp 11

Thời gian làm bài: 45 phút (không tính thời gian phát đề)

Họ và tên học sinh: ..... SBD: ..... Lớp: .....

### I. PHẦN TRẮC NGHIỆM

**Câu 1 (CĐ6.ND1.NB1):** Cơ sở dữ liệu là

- A. một tập các chương trình ứng dụng và dữ liệu.
- B. hệ quản trị cơ sở dữ liệu.
- C. tập hợp có tổ chức các dữ liệu có liên quan luận lý với nhau.
- D. một tập File dữ liệu.

**Câu 2 (CĐ6.ND1.NB2):** Việc ứng dụng Cơ sở dữ liệu trong quản lý đem lại lợi ích nào?

- A. Không phụ thuộc vào công nghệ.
- B. Phức tạp.
- C. Hạn chế sai sót.
- D. Dễ bị lỗi.

**Câu 3 (CĐ6.ND1.NB3):** Trong những ứng dụng sau đây, ứng dụng nào là ứng dụng quản trị CSDL trên máy tính?

- A. Ứng dụng Thony
- B. Ứng dụng Microsoft Word
- C. Ứng dụng Microsoft Excel
- D. Ứng dụng MySQL

**Câu 4 (CĐ6.ND1.NB4):** Ngày nay việc ứng dụng quản trị CSDL trên máy tính đã được thực hiện một cách phổ biến ở hầu khắp các hoạt động quản lý đó là quản lý nào?

- A. Quản lý Kinh tế - Xã hội.
- B. Quản lý Mua sắm trong gia đình.
- C. Quản lý việc Nội trợ.
- D. Quản lý Thời trang.

**Câu 5 (CĐ6.ND1.TH1):** Hệ quản trị CSDL nào đang được sử dụng phổ biến miễn phí hiện nay?

- A. Hệ quản trị CSDL MySQL
- B. Hệ quản trị CSDL SQL
- C. Hệ quản trị Microsoft ACCESS
- D. Hệ quản trị Fox

**Câu 6 (CĐ6.ND1.TH2):** Phần mềm HeidiSQL là phần mềm dùng để

- A. thao tác CSDL.
- B. giúp kết nối làm việc với nhiều HQTCSDL như MySQL...
- C. quản lý dữ liệu.
- D. tạo lập dữ liệu.

**Câu 7 (CĐ6.ND2.NB1):** Khóa nào trong các khóa sau **không** phải là khóa trong CSDL?

- A. Khóa chính.
- B. Khóa ngoài.
- C. Khóa cấm trùng lặp giá trị.
- D. Khóa phụ.

**Câu 8 (CĐ6.ND2.NB2):** Để ấn định khóa chính thì ta thực hiện

- A. chọn Create new index -> Primary
- B. chọn Create new index -> Key
- C. chọn Create new index -> Unique
- D. chọn Create new index -> Fulltext

**Câu 9 (CĐ6.ND2.NB3):** Khi chọn thêm mới để thêm trường thì trường mới hiện ra với tên mặc định là

- A. cột mới.
- B. trường mới.
- C. Column 1.
- D. Row 1.

**Câu 10 (CĐ6.ND2.NB4):** Để tạo bảng mới trong HeidiSQL, cần chọn

- A. "Create database". B. "Root". C. "Create new". D. "New database".

**Câu 11 (CĐ6.ND2.NB5):** Để chọn bảng tham chiếu ta chọn ô

- A. "Create database" B. "Create new" C. "Reference table" D. "Foreign keys"

**Câu 12 (CĐ6.ND2.NB6):** Để khai báo khóa cấm trùng lặp ta thao tác

- A. chọn Create new index -> Primary. B. chọn Create new index -> Key.  
C. chọn Create new index -> Unique. D. chọn Create new index -> Fulltext.

**Câu 13 (CĐ6.ND2.TH1):** Để thực hiện mô hình quản lý danh sách tên quận/huyện của các tỉnh thành phố em phải xác định mối quan hệ giữa

- A. tỉnh thành phố và Quận/Huyện. B. tỉnh và Thị trấn.  
C. tỉnh và thị xã. D. huyện và thị trấn.

**Câu 14 (CĐ6.ND2.TH2):** Để thực hiện mô hình quản lý danh sách tên quận/huyện của các tỉnh thành phố, em có thể xác định khóa chính trong trong bảng Tỉnh thành phố là

- A. mã của huyện. B. mã của thị trấn. C. mã của tỉnh thành phố. D. mã của thị xã.

**Câu 15 (CĐ6.ND2.TH3):** Khoá ngoài có tác dụng gì?

- A. Thể hiện dữ liệu chính. B. Thể hiện dữ liệu ngoài bảng.  
C. Liên kết các dữ liệu trong bảng với nhau. D. Liên kết dữ liệu giữa các bảng.

**Câu 16 (CĐ6.ND2.TH4):** Tên các trường không được trùng lặp giá trị nên chúng ta phải khai báo khóa nào trong các khóa sau?

- A. Khóa chính. B. Khóa phụ. C. Cấm trùng lặp. D. Khóa ngoài.

**Câu 17 (CĐ6.ND2.TH5):** Hệ QTCSDL không ngăn chặn được các lỗi nào dưới đây?

- A. Lỗi theo logic đã được khai báo. B. Các lỗi không liên quan đến logic nào.  
C. Lỗi theo logic chưa được khai báo. D. Lỗi theo ký tự đã được khai báo.

**Câu 18 (CĐ6.ND2.TH6):** Khi Bảng bannhac có dữ liệu với trường idNhacsi tham chiếu đến trường idNhacsi của bảng nhacsi thì ta không thể

- A. tùy tiện xóa các dòng của bảng nhacsi. B. tùy tiện thay đổi dữ liệu trong bảng nhacsi.  
C. tùy tiện thêm dữ liệu vào bảng nhacsi. D. tùy tiện xóa các cột của bảng nhacsi.

**Câu 19 (CĐ6.ND3.NB1):** Để biểu diễn thứ tự tăng dần trong SQL ta dùng

- A. DESC B. LIKE C. AND D. ASC

**Câu 20 (CĐ6.ND3.NB2):** Công việc nào sau đây KHÔNG phải là chức năng truy vấn dữ liệu?

- A. Sắp xếp các bản ghi.  
B. Chọn các bản ghi thỏa mãn điều kiện cho trước.  
C. Chọn các trường để hiển thị, thực hiện tính toán, tính tổng điểm, tổng.  
D. Định dạng theo mẫu và in dữ liệu.

**Câu 21 (CĐ6.ND3.NB3):** Để lấy ra danh sách dữ liệu thỏa mãn một yêu cầu nào đó ta thực hiện

- A. các thao tác tạo bộ lọc. B. các thao tác xóa.  
C. các thao tác sắp xếp. D. các thao tác tạo lập cơ sở dữ liệu.

**Câu 22 (CĐ6.ND3.NB4):** Bạn có thể chọn các tùy chọn sao lưu dữ liệu ở trong cửa sổ nào?

- A. "Fille". B. "New Session".

C. "Export Database".

D. "Select All".

**Câu 23 (CĐ6.ND3.NB5):** Ta có thể chọn định dạng file sao lưu dữ liệu nào dưới đây?

A. SQL

B. CSS

C. JSOM

D. VHK

**Câu 24 (CĐ6.ND3.NB6):** Một số việc khai thác thông tin thường gặp là gì?

A. Tạo bảng, chỉ định khóa chính, tạo liên kết.

B. Đặt tên trường, chọn kiểu dữ liệu, định tính chất trường.

C. Thêm, tìm kiếm, sửa, xóa bản ghi.

D. Tìm kiếm dữ liệu, thống kê, lập báo cáo.

**Câu 25 (CĐ6.ND3.TH1):** Cú pháp nào sau đây là đúng?

A. **SELECT column\_name(s) FROM table\_name.**

B. SELECT \* FROM table\_name.

C. SELECT column\_name(s) FROM table\_name.

D. SELECT \* WITH table\_name.

**Câu 26 (CĐ6.ND3.TH2):** Để truy vấn được nhiều hơn hai bảng theo liên kết khóa ngoài ta thực hiện

A. **lập lại mệnh đề JOIN**

B. lập lại mệnh đề ORDER BY

C. lập lại mệnh đề WHERE

D. lập lại mệnh đề SELLECT

**Câu 27 (CĐ6.ND3.TH3):** Để truy xuất tất cả dữ liệu từ bảng "banthuan" ta dùng câu lệnh

A. **SELECT\*FROM banthuan;**

B. SELECT\*FROM banthuan ORDER BY idbannhac ASC;

C. SELECT idbannhac, idcasi FROM banthuan;

D. SELECT\* FROM banthuan WHERE idbannhac =1;

**Câu 28 (CĐ6.ND3.TH4):** Để truy vấn dữ liệu trong sql ta sử dụng

A. mệnh đề ORDER BY.

B. **cú pháp câu lệnh SELECT.**

C. toán tử BETWEEN...AND.

D. dùng lệnh FROM.

## II. PHẦN THỰC HÀNH

**Câu 1 (TL.VD) (1 điểm):** Hãy lập CSDL quản lý tên các Quận/Huyện, Tỉnh/Thành phố của Việt Nam. Tạo bảng Tỉnh/Thành phố.

**Câu 2 (TL.VD) (1 điểm):** Thực hành cập nhật dữ liệu bảng Tỉnh/Thành phố trong CSDL quản lý danh sách tên Quận/Huyện, Tỉnh/Thành phố.

**Câu 3 (TL.VDC) (1 điểm):** Thực hành sao lưu và phục hồi bảng **banthuan** của CSDL **mymusic**.

----- Hết -----

#### 4. ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

SỞ GD&ĐT  
TRƯỜNG THPT.....

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM  
KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ II

NĂM HỌC 2023 - 2024

Môn thi: Tin học, Lớp 11

Thời gian làm bài: 45 phút (không tính thời gian phát đề)

##### I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (7,0 điểm)

| Câu    | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 |
|--------|---|---|---|---|---|---|---|---|---|----|----|----|----|----|
| Đáp án | C | C | D | A | A | B | D | A | C | C  | C  | C  | A  | C  |

| Câu    | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 | 21 | 22 | 23 | 24 | 25 | 26 | 27 | 28 |
|--------|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|
| Đáp án | D  | C  | B  | A  | D  | D  | A  | C  | A  | D  | A  | A  | A  | B  |

\* Mỗi câu trắc nghiệm đúng được 0.25 điểm.

##### II. PHẦN TỰ LUẬN/THỰC HÀNH (3,0 điểm)

| Nội dung tự luận/thực hành                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Điểm |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| <b>Câu 1 (VD.CD6.1)</b> Hãy lập CSDL quản lý tên các Quận/Huyện, Tỉnh/Thành phố của Việt Nam. Tạo bảng Tỉnh/Thành phố.                                                                                                                                                                                                     |      |
| Sử dụng phần mềm heidisql để tạo lập CSDL<br>-Nháy nút phải chuột vùng danh sách các CSDL đã có. Chọn thẻ tạo mới, chọn cơ sở dữ liệu. Nhập tên CSDL                                                                                                                                                                       | 0.5  |
| -Tạo bảng Tỉnh/Thành phố: Nháy nút phải chuột ở vùng danh sách các CSDL đã có, chọn thẻ tạo mới, chọn Bảng . Nhập tên: Tỉnh/Thành phố, chọn thêm mới để thêm trường :idtenthanhpho, tenthanhpho, tenquan (huyen). Khai báo khóa chính và lưu bảng.                                                                         | 0.5  |
| <b>Câu 2 (VD.CD6.2)</b> Thực hành cập nhật dữ liệu bảng Tỉnh/Thành phố trong CSDL quản lý danh sách tên Quận/Huyện, Tỉnh/Thành phố                                                                                                                                                                                         |      |
| Mở bài 1 để :<br>- Cập nhật dữ liệu....<br>- Truy xuất dữ liệu....                                                                                                                                                                                                                                                         | 1    |
| <b>Câu 3 (VDC.CD6.3)</b> Thực hành sao lưu và phục hồi bảng <b>banthuanam</b> của CSDL <b>mymusic</b> .                                                                                                                                                                                                                    |      |
| -Thực hiện sao lưu theo các bước sau:<br>Bước 1: Mở HeidiSQL và kết nối với cơ sở dữ liệu muốn sao lưu. Để làm điều này, bạn có thể nhấp vào nút "New" trên thanh công cụ hoặc chọn "New Session" trong menu "File".<br>Bước 2: Sau khi kết nối thành công, chọn cơ sở dữ liệu muốn sao lưu trong danh sách cơ sở dữ liệu. | 1    |

Bước 3: Chuột phải vào cơ sở dữ liệu và chọn "Export database" trong menu ngữ cảnh.

*Bước 4:* Trong cửa sổ "Export Database", bạn có thể chọn các tùy chọn sao lưu dữ liệu, bao gồm:

Export to file: Chọn đường dẫn và tên file cho file sao lưu dữ liệu.

Format: Chọn định dạng file sao lưu dữ liệu, ví dụ như SQL, CSV, hoặc JSON.

Tables: Chọn các bảng muốn sao lưu hoặc chọn "Select All" để sao lưu tất cả các bảng.

Tùy chọn khác: Bạn cũng có thể chọn các tùy chọn khác như mã hóa dữ liệu, thực thi truy vấn trước/sau khi sao lưu, v.v.

Bước 5: Nhấp vào nút "Export" để bắt đầu quá trình sao lưu dữ liệu. Sau khi quá trình hoàn tất, bạn sẽ có một file sao lưu dữ liệu theo định dạng đã chọn